

Số: 72/NQ-ĐHĐCĐ

Cao Bằng, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI
BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2025;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO ngày 25/4/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các nội dung sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH Năm 2024	TH năm 2023	TH năm 2024	% so với cùng kỳ	% so với KH năm
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	16.128	12.506	15.036	120,23	93,22
2	Nộp ngân sách	Tr. đồng	3.276	2.768	2.591	93,61	79,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.575	401	351	87,53	22,29
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	1.260	401	351	87,53	27,86
5	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr. đồng	2.136	2.020	2.362	116,93	110,58
6	Lao động SD bình quân	Người	28	26	27	103,85	96,43
7	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng.th	6,3	6,0	7,3	121,67	115,87
8	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng.th	7,1	6,5	7,8	120,0	109,86
9	Các sản phẩm chủ yếu						

9.1	Doanh thu ăn uống	Tr.đồng	9.000	5.496	5.454	99,24	60,6
9.2	Doanh thu phòng nghỉ	Tr. đồng	3.830	3.064	3.750	122,39	97,91
9.3	Doanh thu hội trường	Tr. đồng	315	526	798	151,71	253,33
9.4	Doanh thu lễ hành	Tr. đồng			687		
9.5	DT địa điểm + thu khác	Tr. đồng	2.983	3.420	3.530	103,22	118,33

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % so với TH năm 2024	Tỷ lệ % so với KH năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	16.800	111,73	104,17
2	Nộp ngân sách	Tr. đồng	3.029	116,90	92,46
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.020	290,60	64,76
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	816	232,48	64,76
5	Quỹ tiền lương	Tr. đồng	2.621	110,96	122,71
6	Lao động SD bình quân	người	31	114,81	110,71
7	Tiền lương bình quân ng/tháng	tr.đồng/ng/th	7,0	95,89	111,11
8	Thu nhập bình quân	tr.đồng/ng/th	7,8	100,0	109,86
9	Các sản phẩm chủ yếu				
9.1	Doanh thu ăn uống	Tr. đồng	7.400	135,68	82,22
9.2	Doanh thu phòng nghỉ	Tr. đồng	3.750	100,0	97,91
9.3	Doanh thu hội trường	Tr. đồng	350	50,95	111,11
9.4	Doanh thu lễ hành	Tr. đồng	2.200	320,23	
9.5	Doanh thu địa điểm + thu khác	Tr. đồng	3.100	87,82	103,92

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024; phương án trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch trả cổ tức năm 2025;

4.1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

+ Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm 31/12/2024	Số đầu năm 01/01/2024
I	Tổng tài sản	21.562.120.324	18.427.519.718
1	Tài sản ngắn hạn	8.009.653.440	3.513.376.781
2	Tài sản dài hạn	13.552.466.884	14.914.142.937
II	Tổng nguồn vốn	21.562.120.324	18.427.519.718
1	Nợ phải trả	6.579.711.510	3.796.270.451
2	Vốn chủ sở hữu	14.982.408.814	14.631.249.267
	Tr.đó: Vốn điều lệ	18.000.000.000	18.000.000.000
	LNST chưa phân phối	351.159.547	401.804.587

4.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2024: 351.159.547đ

Do Công ty đang lỗ lũy kế là 4.099.528.171đ nên không thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2024, năm 2025 và trích lập các quỹ.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 5. Thông qua kết quả thực hiện chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

5.1. Kết quả chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2024

+ Đại hội đồng cổ đông thống nhất chi trả lương viên chức quản lý năm 2024, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2024	TH năm 2024
1	Giám đốc	1	129.000.000đ	114.607.000
2	Phó Giám đốc	1	115.000.000đ	61.536.000
Tổng cộng			244.000.000đ	176.143.000đ

+ Căn cứ nghị quyết số 94/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Đại hội đồng cổ đông thống nhất chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS bằng 30% kế hoạch năm cụ thể:

Tt	Chức danh	Mức lương đ/tháng	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	1	12	2.880.000	34.560.000
2	Thành viên HĐQT	21.000.000	3	12	2.520.000	90.720.000
3	Trưởng ban kiểm soát	21.000.000	1	12	2.520.000	30.240.000

4	Thành viên ban kiểm soát	19.000.000	2	12	2.280.000	54.720.000
	Tổng cộng					210.240.000

$$210.240.000đ \times 30\% = 63.072.000đ$$

Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng./.

Tương ứng:

Tt	Chức danh	KH Phụ cấp cả năm	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (%)	Thực hiện chi trả
1	Chủ tịch HĐQT	34.560.000	1	30	10.368.000
2	Thành viên HĐQT	90.720.000	3	30	27.216.000
3	Trưởng ban kiểm soát	30.240.000	1	30	9.072.000
4	Thành viên ban kiểm soát	54.720.000	2	30	16.416.000
	Tổng cộng				63.072.000

**5.2. Kế hoạch chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2025
+ Kế hoạch chi trả lương viên chức quản lý năm 2025**

Chức danh	Số người	KH năm 2025
Giám đốc	1	179.484.000
Phó Giám đốc	1	170.820.000
Tổng cộng		350.304.000

+ Đề xuất mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-VIMICO ngày 18/11/2024 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Hội đồng quản trị dự thảo mức phụ cấp bằng 20% mức lương tháng áp dụng cho các chức danh chuyên trách tương ứng (Chủ tịch HĐQT tương ứng Giám đốc, Thành viên HĐQT tương ứng Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát tương ứng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát tương ứng Kế toán trưởng) như sau:

T	Chức danh	Mức lương đ/tháng	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
2	Thành viên HĐQT	13.430.000	3	20	2.686.000	96.696.000
3	Trưởng ban kiểm soát	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
4	Thành viên ban kiểm soát	12.668.000	2	20	2.534.000	60.816.000
	Tổng cộng					229.296.000

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức chi trả thực tế sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành phối hợp với Ban kiểm soát Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2025 (từ 01/01/2025 đến 31/12/2025), bao gồm cả báo cáo soát xét niên độ 01/01/2025 đến 30/6/2025);

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ năm

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ năm gồm các nội dung sau:

- + Mục 6, Điều 2
- + Mục 2, Điều 4
- + Điểm n, mục 3 Điều 27
- + Điểm b, mục 4, Điều 35
- + Mục 1, Điều 62

Các Điều khác giữ nguyên không thay đổi.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 8. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4	Xây xát và sản xuất bột thô	1061
5	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
6	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10	In ấn	1811
11	Dịch vụ liên quan đến in	1812
12	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14	Xây dựng nhà để ở	4101

15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18	Xây dựng công trình điện	4221
19	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
21	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22	Xây dựng công trình thủy	4291
23	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
26	Phá dỡ	4311
27	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
30	Lắp đặt hệ thống xây dựng	4329
31	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
33	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
34	Bán buôn thực phẩm	4632
35	Bán buôn đồ uống	4633
36	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
37	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
38	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
39	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
41	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43	Bán buôn tổng hợp	4690
44	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
50	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

55	Bán lẻ băng đĩa, âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
56	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
58	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
59	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
60	Vận tải hành khách đường sắt	4911
61	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
62	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
63	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
64	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
66	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68	Bốc xếp hàng hóa	5224
69	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
70	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71	Cơ sở lưu trú khác	5590
72	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
74	Dịch vụ ăn uống khác	5629
75	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
76	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
77	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
78	Quảng cáo	7310
79	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
80	Cho thuê xe có động cơ	7710
81	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
82	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
83	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
84	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
85	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
86	Cung ứng lao động tạm thời	7820
87	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
88	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
89	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
90	Dịch vụ đóng gói	8292
91	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
92	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

93	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
94	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
95	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
96	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giá da	9523
97	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
98	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
99	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
100	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
101	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9630

Các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký được giữ nguyên không thay đổi.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCD.

Điều 9. Điều khoản thi hành

9.1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

9.2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:

- UBCK (b/c)
- HĐQT, BKS, các cổ đông;
- Các phòng, ban Công ty;
- Website công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Nguyễn Văn Viên

Số: 71/BB-ĐHĐCĐ

Cao Bằng, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO

Hôm nay, vào hồi 08h00 ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Công ty - Số 001 Kim Đồng, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

A. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO

Địa chỉ trụ sở chính: Số 001 Kim Đồng, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Mã số doanh nghiệp: 4800130044 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/9/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/8/2024.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Đại diện cổ đông đủ điều kiện được mời tham dự đại hội có 105 cổ đông và người đại diện được ủy quyền, đại diện cho 1.800.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO.

Thành phần tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO có:

* Cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV:

Đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

* Cổ đông Tỉnh ủy Cao Bằng:

Đại diện được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Trưởng phòng tài chính Đảng - Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

* Các cổ đông và đại diện cho các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO (Có danh sách kèm theo).

* Các đại biểu khác gồm:

+ Ông: Vương Văn Hùng - Phó phòng kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

+ Ông: Tạ Quang Thành - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty.

+ Ông: Nguyễn Lệnh An - CV phòng tài chính Đảng - Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng - Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thảo luận, thông qua và phê duyệt những nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
4. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024; phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025;
5. Báo cáo kết quả thực hiện chi trả lương viên chức quản lý, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch năm 2025;
6. Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ năm;
8. Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;
9. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông

Bà: Lục Thị Yến - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành (có báo cáo đính kèm). Nội dung cơ bản của kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

* Tính đến 15h ngày 28/3/2025 theo xác nhận của Tổng công ty bù trừ Chứng khoán Việt Nam:

- Tổng số cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO: 105 cổ đông trong đó có 02 tổ chức và 103 cá nhân trong nước.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO: 1.800.000 cổ phần.

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 105 cổ đông sở hữu 1.800.000 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết)

* Tính đến 09h00 ngày 25/4/2025 thời gian diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Số đại biểu là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là 07 người, sở hữu và đại diện cho 1.780.000 cổ phần, đạt 98,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO.

- Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

II. Chào cờ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Bà: Nguyễn Thị Tùng Linh - Ban tổ chức điều hành chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

III. Thực hiện Quy chế tổ chức Đại hội.

Bà: Nguyễn Thị Tùng Linh - Ban tổ chức Đại hội trình bày Quy chế tổ chức Đại hội.

IV. Giới thiệu Chủ tọa

Bà Nguyễn Thị Tùng Linh - Nhân viên phòng Hành chính Tổng hợp thay mặt Ban tổ chức giới thiệu ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO là chủ tọa ĐHĐCĐ.

V. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban thư ký ĐHĐCĐ

1. Giới thiệu Ban thư ký Đại hội

Đề ghi lại diễn biến của Đại hội và dự thảo Nghị quyết của Đại hội, căn cứ Điểm c, Khoản 2, Điều 20 Điều lệ Công ty, chủ tọa Đại hội đã giới thiệu Ban thư ký gồm các thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Tùng Linh - Thư ký Công ty - Trưởng Ban
- Bà Đinh Thị Huyền - Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán - Thành viên

2. Biểu quyết thông qua Ban thư ký Đại hội

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì biểu quyết thông qua Ban thư ký:

* *Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

* *Tỷ lệ biểu quyết:*

- *Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu hợp lệ: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu tán thành: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu*

- *Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban thư ký Đại hội.

VI. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

1. Giới thiệu danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

Để thực hiện công tác kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ, chủ tọa Đại hội giới thiệu thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua là 03 người, trong đó 01 Trưởng ban và 02 thành viên như sau:

- Bà: Lục Thị Yên - Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Trưởng ban
- Bà: Đinh Khánh Chi - Nhân viên lễ tân - Thành viên
- Bà: Đinh Thị Biên - Nhân viên phòng Hành chính Tổng hợp - Thành viên

2. Biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

* *Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

* *Tỷ lệ biểu quyết:*

- *Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Tổng số phiếu hợp lệ: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

VII. Biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

VIII. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tịch HĐQT trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. (Có nội dung chi tiết chương trình kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì biểu quyết thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/1.780.000 phiếu phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/1.780.000 phiếu phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí thông qua Chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2025.

IX. Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Ông Tạ Quang Thành - Giám đốc Công ty trình bày báo cáo số 37/BC-CTBG ngày 01/4/2025 về đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025.

1. Kết quả SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH Năm 2024	TH năm 2023	TH năm 2024	% so với cùng kỳ	% so với KH năm
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	16.128	12.506	15.036	120,23	93,22
2	Nộp ngân sách	Tr. đồng	3.276	2.768	2.591	93,61	79,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.575	401	351	87,53	22,29
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	1.260	401	351	87,53	27,86
5	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr. đồng	2.136	2.020	2.362	116,93	110,58
6	Lao động SD bình quân	Người	28	26	27	103,85	96,43
7	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng.th	6,3	6,0	7,3	121,67	115,87
8	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng.th	7,1	6,5	7,8	120,0	109,86
9	Các sản phẩm chủ yếu						
9.1	Doanh thu ăn uống	Tr.đồng	9.000	5.496	5.454	99,24	60,6
9.2	Doanh thu phòng nghỉ	Tr. đồng	3.830	3.064	3.750	122,39	97,91
9.3	Doanh thu hội trường	Tr. đồng	315	526	798	151,71	253,33
9.4	Doanh thu lễ hành	Tr. đồng			687		
9.5	DT địa điểm + thu khác	Tr. đồng	2.983	3.420	3.530	103,22	118,33

1. 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % so với TH năm 2024	Tỷ lệ % so với KH năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	16.800	111,73	104,17
2	Nộp ngân sách	Tr. đồng	3.029	116,90	92,46
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.020	290,60	64,76
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	816	232,48	64,76
5	Quỹ tiền lương	Tr. đồng	2.621	110,96	122,71
6	Lao động SD bình quân	người	31	114,81	110,71
7	Tiền lương bình quân ng/tháng	tr.đồng/ng/th	7,0	95,89	111,11
8	Thu nhập bình quân	tr.đồng/ng/th	7,8	100,0	109,86

9	Các sản phẩm chủ yếu				
9.1	Doanh thu ăn uống	Tr. đồng	7.400	135,68	82,22
9.2	Doanh thu phòng nghỉ	Tr. đồng	3.750	100,0	97,91
9.3	Doanh thu hội trường	Tr. đồng	350	50,95	111,11
9.4	Doanh thu lễ hành	Tr. đồng	2.200	320,23	
9.5	Doanh thu địa điểm + thu khác	Tr. đồng	3.100	87,82	103,92

X. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025

Ông Nguyễn Văn Viên thay mặt HĐQT Công ty trình bày báo cáo số 38/BC-HĐQT ngày 01/4/2025 về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

XI. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh thay mặt Ban kiểm soát Công ty trình bày báo cáo số 39/BC-BKS ngày 01/4/2025 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

XII. Báo cáo tài chính được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025; Kết quả thực hiện chi trả lương viên chức quản lý, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch năm 2025;

Bà Lục Thị Yên - Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty trình bày tờ trình số 41/TTr-CTBG ngày 01/4/2025 về việc thông qua BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025; Tờ trình số 62/TTr-CTBG ngày 21/4/2025 về việc thông qua kết quả thực hiện chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

1. Báo cáo tài chính năm 2024

Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm 31/12/2024	Số đầu năm 01/01/2024
I	Tổng tài sản	21.562.120.324	18.427.519.718
1	Tài sản ngắn hạn	8.009.653.440	3.513.376.781
2	Tài sản dài hạn	13.552.466.884	14.914.142.937
II	Tổng nguồn vốn	21.562.120.324	18.427.519.718
1	Nợ phải trả	6.579.711.510	3.796.270.451
2	Vốn chủ sở hữu	14.982.408.814	14.631.249.267
	Tr.đó: Vốn điều lệ	18.000.000.000	18.000.000.000
	LNST chưa phân phối	351.159.547	401.804.587

2. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2024: 351.159.547đ

Do Công ty đang lỗ lũy kế là 4.099.528.171đ nên không thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2024, năm 2025 và trích lập các quỹ.

3. Kết quả thực hiện chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2024. Kế hoạch chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2025.

+ Thực hiện chi trả lương viên chức quản lý năm 2024:

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2024	TH năm 2024
1	Giám đốc	1	129.000.000đ	114.607.000
2	Phó Giám đốc	1	115.000.000đ	61.536.000
Tổng cộng			244.000.000đ	176.143.000đ

+ Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Căn cứ nghị quyết số 94/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Đại hội đồng cổ đông thống nhất chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS bằng 30% kế hoạch năm cụ thể:

Tt	Chức danh	Mức lương đ/tháng	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	1	12	2.880.000	34.560.000
2	Thành viên HĐQT	21.000.000	3	12	2.520.000	90.720.000
3	Trưởng ban kiểm soát	21.000.000	1	12	2.520.000	30.240.000
4	Thành viên ban kiểm soát	19.000.000	2	12	2.280.000	54.720.000
Tổng cộng						210.240.000

$$210.240.000đ \times 30\% = 63.072.000đ$$

Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng./.

Tương ứng:

Tt	Chức danh	KH Phụ cấp cả năm	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (%)	Thực hiện chi trả
1	Chủ tịch HĐQT	34.560.000	1	30	10.368.000
2	Thành viên HĐQT	90.720.000	3	30	27.216.000
3	Trưởng ban kiểm soát	30.240.000	1	30	9.072.000
4	Thành viên ban kiểm soát	54.720.000	2	30	16.416.000
Tổng cộng					63.072.000

+ Kế hoạch chi trả lương viên chức quản lý năm 2025

Chức danh	Số người	KH năm 2025
Giám đốc	1	179.484.000
Phó Giám đốc	1	170.820.000
Tổng cộng		350.304.000

+ Đề xuất mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-VIMICO ngày 18/11/2024 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Hội đồng quản trị dự thảo mức phụ cấp bằng 20% mức lương tháng áp dụng cho các chức danh chuyên trách tương ứng (Chủ tịch HĐQT tương ứng Giám đốc, Thành viên HĐQT tương ứng Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát tương ứng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát tương ứng Kế toán trưởng) như sau:

T	Chức danh	Mức lương đ/tháng	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
2	Thành viên HĐQT	13.430.000	3	20	2.686.000	96.696.000
3	Trưởng ban kiểm soát	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
4	Thành viên ban kiểm soát	12.668.000	2	20	2.534.000	60.816.000
Tổng cộng						229.296.000

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức chi trả thực tế sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

XIII. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày tờ trình số 42/TTr-CTBG ngày 01/4/2025 về việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

XIV. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ năm

Ông Nguyễn Văn Viên thay mặt HĐQT Công ty trình bày tờ trình 43/TTr-CTBG ngày 01/4/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ năm gồm các nội dung sau:

+ Mục 6, Điều 2

+ Mục 2, Điều 4

+ Điểm n, mục 3 Điều 27

+ Điểm b, mục 4, Điều 35

+ Mục 1, Điều 62

Các Điều khác giữ nguyên không thay đổi.

XV. Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Ông Nguyễn Văn Viên thay mặt HĐQT Công ty trình bày tờ trình 44/TTr-CTBG ngày 01/4/2025 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

12/10/2024 - 21/10/2024

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
5	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
6	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10	In ấn	1811
11	Dịch vụ liên quan đến in	1812
12	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14	Xây dựng nhà để ở	4101
15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18	Xây dựng công trình điện	4221
19	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
21	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22	Xây dựng công trình thủy	4291
23	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
26	Phá dỡ	4311
27	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
30	Lắp đặt hệ thống xây dựng	4329
31	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
33	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
34	Bán buôn thực phẩm	4632
35	Bán buôn đồ uống	4633
36	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
37	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
38	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
39	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

41	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43	Bán buôn tổng hợp	4690
44	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
50	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
55	Bán lẻ băng đĩa, âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
56	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
58	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
59	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
60	Vận tải hành khách đường sắt	4911
61	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
62	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
63	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
64	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
66	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68	Bốc xếp hàng hóa	5224
69	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
70	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71	Cơ sở lưu trú khác	5590
72	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với	5621

	khách hàng	
74	Dịch vụ ăn uống khác	5629
75	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
76	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
77	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
78	Quảng cáo	7310
79	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
80	Cho thuê xe có động cơ	7710
81	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
82	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
83	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
84	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
85	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
86	Cung ứng lao động tạm thời	7820
87	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
88	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
89	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
90	Dịch vụ đóng gói	8292
91	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
92	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
93	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
94	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
95	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
96	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giá da	9523
97	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
98	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
99	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
100	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
101	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9630

Các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký được giữ nguyên không thay đổi.

XVI. Thảo luận của các cổ đông

XVII. Biểu quyết các nội dung tại Đại hội

Chủ tọa ĐHCĐ xin ý kiến của các cổ đông về các nội dung cần thông qua như sau.

Tổng hợp các vấn đề được thông qua

Stt	Nội dung biểu quyết	Tỷ lệ thông qua	Tỷ lệ không thông qua
1	- Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và KHSXKD năm 2025	100%	

2	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025	100%	
3	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025	100%	
4	- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	100%	
5	- Kết quả thực hiện chi trả lương viên chức quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	100%	
6	- Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	100%	
7	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ năm	100%	
8	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty	100%	

XVII. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Bà Nguyễn Thị Tùng Linh - Thay mặt Ban Thư ký ĐHĐCĐ lên trình bày toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

1. Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ:

- Ý kiến thảo luận về Biên bản Đại hội - Không
 - Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì biểu quyết thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

** Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

2. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa ĐHĐCĐ chủ trì biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

** Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

** Tỷ lệ biểu quyết:*

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 1.780.000 phiếu/1.780.000 phiếu

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/1.780.000 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

XVIII. Bế mạc ĐHĐCĐ.

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng - VIMICO.

Toàn văn Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng - VIMICO đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này được lập vào hồi 11h00 ngày 25/4/2025 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng - VIMICO kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. 01 bản gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, 03 bản lưu tại Trụ sở chính của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bế mạc lúc 11h00' ngày 25/4/2025.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Tùng Linh

**TM. BAN CHỦ TỌA ĐHĐCĐ
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Viên